

Phụ lục 1: Bảng so sánh sử dụng đất các khu vực trước và sau điều chỉnh
(Kèm theo Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh)

STT	Loại chức năng sử dụng đất	Trước điều chỉnh		Sau điều chỉnh cục bộ		Chênh lệch
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
I	Khu số 1	1,0	100	1,0	100	
1	Đất đơn vị ở hiện trạng	-	-	0,2	20	+0,2
2	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	-	-	0,07	7	+0,07
3	Đất di tích, tôn giáo	-	-	0,4	40	+0,4
4	Đất lâm nghiệp	0,67	67	-	-	-0,67
5	Đất giao thông	0,33	33	0,33	33	-
II	Khu số 2	7,1	100	7,1	100	
1	Đất hạ tầng kỹ thuật ngoài đô thị	-	-	3,53	49,7	+ 3,53
2	Đất đồi núi, lâm nghiệp	7,1	100,0	-	-	- 7,1
3	Đất giao thông	-	-	3,57	50,3	+ 3,57
	Tổng	8,1	100	8,1		